

Số: /GPMT-UBND

Hàm Yên, ngày tháng 03 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên về việc thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của công trình xây dựng khu dân cư Tổ dân phố Bắc Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang”;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 48/CV-BQL ngày 29/02/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của công trình xây dựng khu dân cư Tổ dân phố Bắc Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang” của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hàm Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hàm Yên, địa chỉ tại tổ dân phố Bắc Mực, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của công trình xây dựng khu dân cư Tổ dân phố Bắc Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Xây dựng khu dân cư Tổ dân phố Bắc Yên, thị trấn

Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Bắc Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hàm Yên.

1.4. Mã số thuế: 5000837742

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tương đương dự án nhóm C.

- Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định tái định cư cho các hộ thuộc phạm vi phải thu hồi, giải phóng mặt bằng về đất, tài sản trên đất để thực hiện các công trình, dự án và tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang, trên địa bàn thị trấn Tân Yên.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Hàm Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định

tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày cấp Giấy phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện: (báo cáo)
- Các Phó CT. UBND huyện;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Phòng TN và MT huyện;
- Trang TTĐT của huyện; (để công khai)
- BQL dự án ĐTXD khu vực huyện Hàm Yên;
- Chuyên viên NLN;
- Lưu: VT-UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Hòa

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh trong khu vực dân cư thuộc Dự án, lưu lượng lớn nhất 15,2 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe nước trong khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải

Rãnh thoát nước khu vực Dự án. Tọa độ: X = 2441492; Y = 401394 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°00' múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1,2 (Khu dân cư có dưới 50 căn hộ) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	- Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	12	
11	Coliform	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BVMT ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của các hộ dân trong khu dân cư: Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu dân cư để xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

Bể tự hoại các hộ dân → Cống thoát nước thải → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ng.đ → Khe nước trong khu vực.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Định kỳ nạo hút chất thải từ bể tự hoại sau đó thuê đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm 03 tháng, bắt đầu từ ngày 15/4/2024, kết thúc ngày 15/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Khe nước trong khu vực. Tọa độ: X = 2441492; Y = 401394 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°00' múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

***) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

Chủng loại: Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giấy, bịch nylon, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống ...

+ Khối lượng dự báo: 79,8 kg/ngày tương đương 0,08 tấn/ ngày.

+ Khối lượng dự báo: 29,12 tấn/năm.

***) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Khu dân cư đi vào hoạt động, với quy mô 38 lô đất dự kiến 152 người. Theo báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2011, mỗi hộ gia đình trung bình phát sinh 0,3 kg/tháng chất thải nguy hại. Tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại loại này ước tính khoảng 38 hộ x 0,3kg/tháng = 11,4 kg/tháng tương đương 136,8 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

***) Đối với CTR thông thường**

- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Các hộ dân tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (bếp ăn, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải, sau đó được thu gom và chuyển về khu tập kết rác thải có diện tích khoảng 25 m² được Chủ dự án bố trí cạnh khu vực đặt HTXLNT phía Bắc Dự án. Khoảng cách từ khu tập kết rác thải đến khu vực gần nhất có dân cư là 50 m. Khoảng cách này là đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn quy định tại QCVN 01:2021 về quy hoạch xây dựng (khoảng cách tối thiểu là 20 m).

+ Đơn vị tiếp quản trong giai đoạn vận hành sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển CTRSH khu dân cư đến điểm xử lý rác của địa phương để xử lý theo quy định vào cuối ngày. Tần suất 1 lần/ ngày.

- Đối với chất thải từ quá trình xây dựng nhà của các hộ dân: Đơn vị quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật khu dân cư có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với công trình xây dựng của các hộ dân. Trong quá trình xây dựng yêu cầu các hộ dân thực hiện các biện pháp thải ra môi trường, không để vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường.

***) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Bùn thải từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ dân trong khu dân cư, các hộ dân có trách

nhiệm thuê đơn vị có chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn bề tự hoại của gia đình mình.

+ Đối với bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, đơn vị tiếp quản quản lý, vận hành hạ tầng khu dân cư có trách nhiệm thu đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

+ Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại (50-120 lít) có nắp đậy, có dán nhãn, ghi rõ tên và mã chất thải nguy hại đảm bảo yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 4 m², được Chủ dự án bố trí cạnh khu vực đặt HTXLNT phía Bắc Dự án. Đơn vị được giao quản lý trong giai đoạn vận hành sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất khoảng 2 lần/ năm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.